

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 171/2018/HS-ST

Ngày: 13-6-2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ NAM ĐỊNH - TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thu Định.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Lê Quang Bảo.

Bà Trịnh Thị Lan.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2018 tại Tòa án nhân dân thành phố Nam Định, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 162/2018/TLST-HS ngày 23 tháng 5 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 162/2018/QĐXXST-HS ngày 31 tháng 5 năm 2018, đối với bị cáo:

Họ tên: **Nguyễn Thị V** - sinh năm 1981 tại tỉnh Thanh Hóa; nơi cư trú: Số 77 đường N, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định; nghề nghiệp: Không nghề nghiệp; trình độ văn hóa: 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Ngọc T (đã chết) và bà: Lê Thị H1; có chồng: Bùi Thanh M và 03 con; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú theo lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 17 ngày 31-3-2018 của Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố Nam Định do bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- *Người bị hại:* Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1961 và bà Vũ Thị H2, sinh năm 1960; cùng nơi cư trú: Số 94 đường N, phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định. Ông G và bà H2 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 06 giờ ngày 05-01-2018, Nguyễn Thị V đi bộ sang quán bán hàng tạp hóa của gia đình ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1961 và bà Vũ Thị H2, sinh năm 1960, trú tại: Số 94 đường N, phường H, thành phố Đ. V gặp và mua của bà H2 02 gói mì tôm. Sau đó, đến khoảng 06 giờ 15 phút cùng ngày, V tiếp tục sang nhà ông G để mua thêm mì tôm thì thấy cửa nhà ông G mở hé, V đẩy cửa vào nhà, thấy trong nhà không có người, V gọi ông G nhưng không có ai trả lời. Lúc này, V thấy chiếc hòm tôn thường ngày ông G cất tiền bán hàng để trên kết bia không khóa nên đã nảy sinh ý định trộm cắp. V đi vòng vào phía trong quầy hàng, đến sát chiếc hòm tôn thì ngồi xuống và mở nắp hòm tôn, phát hiện trong hòm có nhiều tiền lẻ mệnh giá thấp và một chiếc ví da màu vàng không kéo khóa, kích thước khoảng (6,7x10,4cm), trong ví có nhiều tờ tiền polime mệnh giá từ 50.000 đồng đến 500.000 đồng, V lấy toàn bộ số tiền trong chiếc ví da rồi đẩy nắp hòm tôn lại, đứng lên quay người định tẩu thoát. Đúng lúc này, ông G từ phòng ngủ đi ra, nhìn thấy V đang đứng phía trong quầy bán hàng liền hỏi “Mày vào đây làm gì?”, V nói dối “Cháu vào mua mì tôm”. Ông G nói tiếp “Chỗ này chỉ có tao với bà H2 được vào, mì tôm tao để trong kia cơ mà, lần sau vào thì gọi to lên”, V trả lời “Vâng”. Lợi dụng lúc ông G vào nhà lấy mì tôm, V nhanh chóng cất số tiền vừa lấy được vào túi áo khoác trái của mình rồi trả tiền cho ông G và đi về nhà. V cất giấu số tiền trên vào trong cốp xe máy của mình sau đó đi làm.

Ngay sau khi V về, ông G cất số tiền vừa bán mì tôm vào hòm thì phát hiện bị mất số tiền 3.650.000 đồng để trong chiếc ví da màu vàng nên đã thông báo cho bà H2. Khoảng 16 giờ chiều cùng ngày, bà H2 sang nhà gặp và nói V đã trộm cắp tiền của nhà mình, yêu cầu V trả lại. V không thừa nhận mình lấy, nhưng khi bà H2 nói số tiền V trộm cắp đã tiêu hết bao nhiêu còn lại thì trả cho bà, bà H2 sẽ không nói với ai thì V lấy trong ví số tiền 1.360.000 đồng đưa cho bà H2 và nói “Cháu còn bằng này, bà có lấy thì lấy”, bà H2 cầm số tiền 1.360.000 đồng và đi về nhà đưa cho ông G.

Ngày 06-01-2018, ông G đã đến Công an phường H để trình báo đồng thời giao nộp số tiền 1.360.000 đồng V đưa cho bà H2, 01 chiếc hòm sắt hình

chữ nhật có kích thước (31x36x30)cm và 01 túi ví màu vàng có quai xách có kích thước (10x8x3)cm, ngăn khóa chính bị hỏng. Cơ quan công an đã triệu tập đối với Nguyễn Thị V. Tại cơ quan điều tra, V đã khai nhận toàn bộ hành vi trộm cắp như trên và khai số tiền lấy được ở nhà ông G là 3.650.000 đồng, V đã tiêu xài cá nhân hết 1.360.000 đồng, còn lại 2.290.000 đồng. Ngoài ra, V khai số tiền 1.360.000 đồng V đưa cho bà H2 là tiền cá nhân không phải là số tiền V trộm cắp được của gia đình ông G.

Quá trình điều tra, Nguyễn Thị V đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan điều tra tổng số tiền 3.650.000 đồng để khắc phục hậu quả do hành vi phạm tội của mình gây ra. Cơ quan điều tra đã trả lại cho người bị hại là ông Nguyễn Văn G số tiền 3.650.000 đồng, 01 chiếc hòm tôn và 01 túi ví màu vàng. Sau khi nhận lại tài sản, ông G không có đề nghị gì khác.

Bản cáo trạng số 174/CT-VKS ngày 21-5-2018 của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định truy tố bị cáo Nguyễn Thị V về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và lời khai của bị cáo Nguyễn Thị V tại phiên tòa thể hiện hành vi của bị cáo có đủ yếu tố cấu thành tội “Trộm cắp tài sản”. Do đó Viện kiểm sát vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản”; Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s, b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V từ 06 tháng đến 09 tháng tù nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách gấp đôi. Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015: Xử lý vật chứng đã thu giữ theo quy định của pháp luật.

Người bị hại ông Nguyễn Văn G và bà Vũ Thị H2 trình bày: Ông, bà đều có cùng quan điểm đề nghị xét xử bị cáo V theo quy định của pháp luật.

Bị cáo Nguyễn Thị V nói lời sau cùng: Xin Hội đồng giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Nam Định, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Nam Định, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị V, người bị hại ông Nguyễn Văn G và bà Vũ Thị H2 không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về tội danh: Lời khai nhận tội của bị cáo Nguyễn Thị V phù hợp với các tài liệu, chứng cứ của vụ án nên có đủ cơ sở xác định: Vào khoảng 06 giờ 15 phút ngày 05-01-2018 Nguyễn Thị V đã có hành vi lén lút chiếm đoạt số tiền 3.650.000 đồng của ông Nguyễn Văn G và bà Vũ Thị H2 tại số nhà 94 đường N, phường H, thành phố Đ. Bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, biết rõ hành vi của mình xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm nhưng bị cáo vẫn cố ý thực hiện. Số tiền bị chiếm đoạt là 3.650.000 đồng. Như vậy hành vi của bị cáo đã phạm tội “Trộm cắp tài sản”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

[3] Về các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Về các tình tiết giảm nhẹ: Bị cáo phạm tội lần đầu, thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị V đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải đối với hành vi phạm tội của mình; tài sản bị cáo chiếm đoạt bị cáo đã tự nguyện bồi thường khắc phục trả lại cho người bị hại; bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi. Do đó bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định điểm s, b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4] Về hình phạt: Hành vi phạm tội của bị cáo xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ và bị pháp luật nghiêm cấm, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an trên địa bàn thành phố. Tuy nhiên, xét thấy bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo tại địa phương, bị cáo được áp dụng nhiều tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s, b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) nên Hội đồng xét xử thấy rằng có thể cho bị cáo được miễn chấp hành hình phạt tù có điều kiện theo quy định của Điều 65 Bộ luật Hình sự năm

2015. Cùng với việc cho bị cáo được hưởng án treo, Hội đồng xét xử sẽ ấn định thời gian thử thách và giao bị cáo cho chính quyền địa phương giám sát, giáo dục theo quy định của pháp luật.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Tài sản bị cáo chiếm đoạt đã thu hồi trả lại người bị hại, ông Nguyễn Văn G và bà Vũ Thị H2 đã nhận lại tài sản và không có đề nghị gì khác nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6] Về xử lý vật chứng: Số tiền 1.360.000 đồng bị cáo Nguyễn Thị V đưa cho bà Vũ Thị H2 ngày 05-01-2018 là tiền cá nhân của bị cáo V, không phải là tiền bị cáo V đã trộm cắp của ông G và bà H2 nên Hội đồng xét xử sẽ trả lại cho bị cáo, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[7] Về án phí: Bị cáo Nguyễn Thị V bị kết án nên phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị V phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s, b, i khoản 1 và khoản 2 Điều 51, Điều 65 của Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị V 09 tháng tù (chín tháng tù) nhưng cho hưởng án treo. Thời gian thử thách là 18 tháng (mười tám tháng) tính từ ngày tuyên án sơ thẩm là ngày 13-6-2018.

Giao bị cáo Nguyễn Thị V cho UBND phường H, thành phố Đ, tỉnh Nam Định giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách. Trong trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án Hình sự.

2. Xử lý vật chứng:

Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015.

Trả lại cho bị cáo Nguyễn Thị V số tiền 1.360.000 đồng, song tạm giữ để đảm bảo thi hành án (theo Giấy nộp tiền vào tài khoản số 15 ngày 17-5-2017).

3. Án phí:

- Căn cứ Điều 135 của Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016.

Bị cáo Nguyễn Thị V phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo:

Bị cáo Nguyễn Thị V, người bị hại là ông Nguyễn Văn G và bà Vũ Thị H2 được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì bị cáo có quyền tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND TP. Nam Định (02 bản);
- Công an TP. Nam Định;
- Chi cục THADS TP. Nam Định;
- Bị cáo;
- Người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án; VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Phạm Thị Thu Định

